

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ

TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày: 10/5/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Phụng;

2. Ông Võ Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Quốc H**, sinh năm 2000 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm V (sinh năm 1972) và bà Lương Thị H (sinh năm 1974); có vợ là Trần Thị Mỹ H (sinh năm 2000) và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ*; địa chỉ: khu P, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Do bà Nguyễn Thị T- chức vụ: Trưởng phòng làm đại diện; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị H*, sinh năm 1987; trú tại: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

* *Người làm chứng:*

- Bà **Lương Thị H**, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: khu P, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Đoàn Công T**, sinh năm 1983; trú tại: khu N, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1977; trú tại: khu H, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1985; trú tại: khu P, thị trấn A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian làm việc tại thành phố Đà Nẵng, Phạm Quốc H chơi đánh bạc qua mạng Internet dưới hình thức đầu tư tiền ảo và thua số tiền lớn nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để trả nợ. Trong các lần đến thăm mẹ là bà Lương Thị H đang làm việc tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ, H nhiều lần nhìn thấy bà Nguyễn Thị H là thủ quỹ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ phát tiền cho người dân nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H quan sát thấy bà H thường dùng chìa khoá trong chùm chìa khoá xe mô tô của bà H để mở cửa phòng làm việc và cửa phòng kho nên đến khoảng 17 giờ 00 phút ngày 25/9/2022, H gọi điện gọi bà Nguyễn Thị H đi uống cà phê tại quán C trên địa bàn thị trấn A với mục đích là mượn xe mô tô của bà H để lấy chìa khoá đem đi cắt. Sau khi đến quán cà phê, H mượn xe của bà Nguyễn Thị H nói là đi đổi quà cho mẹ nhưng H điều khiển xe đến tiệm cắt khoá gần tiệm vàng S, gặp ông Nguyễn Ngọc A cắt 04 chìa khoá trong chùm chìa khoá xe của bà H với số tiền 60.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe về lại quán C và trả xe cho bà H rồi đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, H mang theo 04 chìa khoá vừa cắt đi bộ đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ, H đến trước phòng làm việc của bà H rồi dùng các chìa khoá vừa cắt để mở cửa phòng, sau đó tiếp tục mở khoá cánh cửa thứ hai và đi vào phòng kho. H thấy có két sắt trong phòng kho nên dùng chìa khoá mở cửa két sắt và lấy 01 xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng, H mang tiền ra kiểm tra, đếm được là 40.000.000 đồng. Đến chiều ngày 26/9/2022, H điều khiển xe mô tô đi trả nợ cho người thanh niên tên T (không rõ lai lịch) ở đường Hà Huy Tập, thành phố Đà Nẵng.

Do vẫn còn nợ tiền nên đến tối ngày 01/10/2022, H ghé thăm mẹ là bà Lương Thị H tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ, H đi đến phòng làm việc của bà Nguyễn Thị H, quan sát thấy không có người nên H nảy sinh ý định tiếp tục trộm cắp tài sản. H nhìn qua cửa gương thấy cửa phòng kho có ổ khoá mới màu vàng, biết là không mở được nên H về nhà tìm chìa khoá để mở ổ khoá màu vàng. Khi về đến nhà, H mang chùm chìa khoá nhà H đến phòng làm việc của bà Nguyễn Thị H, H dùng các chìa khoá đã cắt sẵn mở cửa phòng làm việc và cửa phòng kho, sau đó dùng chùm chìa khoá nhà H mở ổ khoá màu vàng thì có chìa mở ra được, H lấy riêng chìa khoá mở được ổ khoá màu vàng gắn vào chùm chìa khoá của H. Sau khi mở két sắt, H lấy một xấp tiền có mệnh giá 200.000 đồng và một xấp tiền có mệnh giá 500.000 đồng bỏ vào túi quần. Khi về nhà H mang tiền ra kiểm tra, đếm xấp tiền có mệnh giá 200.000 đồng được 25.000.000 đồng, xấp tiền có mệnh giá 500.000 đồng được 15.000.000 đồng, tổng số tiền trộm cắp lần thứ hai là 40.000.000 đồng. Đến sáng ngày 03/10/2022, H điều khiển xe ra thành phố Đà Nẵng tiếp tục trả nợ cho thanh tên T ở đường Hà Huy Tập, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 30/12/2022, H được bà Lương Thị H đưa đến trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tang vật vụ án: Đối với 05 chìa khoá Phạm Quốc H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại L đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

* Về dân sự: Phạm Quốc H đã tự nguyện khắc phục số tiền 80.000.000 đồng cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ và bị hại không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKSĐL ngày 27/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Phạm Quốc H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Quốc H mức án từ 18 đến 21 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Quốc H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại hồ sơ vụ án, đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tất cả khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo sự việc như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T đại diện bị hại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), người làm chứng ông Lê Văn C và ông Đoàn Công T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), ông Nguyễn Ngọc A vắng mặt (không lý do). Tuy nhiên, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng này không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng này.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1} Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Xét lời nhận tội của bị cáo Phạm Quốc H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, đại diện bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Trong hai ngày 25/9/2022 và 01/10/2022, tại phòng làm việc của bà Nguyễn Thị H thuộc Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ, bị cáo Phạm Quốc H đã 02 lần lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ với tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

Do đó, bị cáo Phạm Quốc H đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa*

đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo H về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định pháp luật.

{2.2} Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Phạm Quốc H là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, với động cơ để có tiền trả nợ do đánh bạc thua số tiền lớn, bị cáo lén lút thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ trái pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ 02 lần với tổng số tiền 80.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Phương thức, thủ đoạn bị cáo thực hiện việc phạm tội là rất tinh vi, có sự chuẩn bị tính toán. Hành vi mà bị cáo thực hiện phạm tội là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cơ quan Nhà nước được pháp luật bảo vệ, mà còn gây bất bình trong đời sống nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, theo quy định pháp luật cần phải xử phạt bị cáo một cách nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe và ngăn ngừa phạm tội chung là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội; khi vụ án bị phát hiện bị cáo đã được người thân gia đình đưa đến cơ quan chức năng để đầu thú và hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt trái pháp luật nhằm khắc phục hậu quả gây ra, đơn xin xét xử vắng mặt đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; bị cáo có con còn nhỏ đại là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

{2.3} Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Quốc H đã tự nguyện khắc phục số tiền 80.000.000 đồng cho bị hại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Đ và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

{2.4} Về vật chứng: Đối với 05 chìa khoá bị cáo Phạm Quốc H sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

{2.5} Những vấn đề liên quan đến vụ án: Bị cáo Phạm Quốc H khai nhận đã sử dụng điện thoại di động đăng nhập vào mạng Internet để thực hiện hành vi đánh bạc, hiện nay bị cáo H đã bán chiếc điện thoại di động trên cho một người không rõ lai lịch. Quá trình điều tra chưa có đủ căn cứ xác định bị cáo Huy thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền nên không đề cập xử lý là phù hợp.

{2.6} Về án phí: Bị cáo Phạm Quốc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Quốc H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc H **01** (*Một*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Quốc H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến tố tụng;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Đại Lộc;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

